BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18 /2019/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2019*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới (sau đây viết tắt là Nghị định 139/2018/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định xe cơ giới thuộc quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Chương II
THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 3. Thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới

Người thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới (sau đây gọi là đăng kiểm viên thực tập) đáp ứng các quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP được tập huấn lý thuyết nghiệp vụ và thực hành kiểm định xe cơ giới trong thời gian tối thiểu 12 tháng.

Điều 4. Tập huấn lý thuyết nghiệp vụ

Đăng kiểm viên thực tập được tập huấn lý thuyết nghiệp vụ bao gồm các nội dung sau:

1. Tổng quan: hệ thống mạng lưới, tổ chức kiểm định xe cơ giới; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác kiểm định; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới;

2. Văn bản pháp lý: các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ trong hoạt động kiểm định xe cơ giới;

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình trong công tác kiểm định;

4. Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm tra;

5. Hướng dẫn kiểm tra xe cơ giới theo hạng mục kiểm tra, phương pháp kiểm tra; công đoạn và quy trình kiểm tra xe cơ giới; đánh giá kết quả kiểm tra;

6. Hướng dẫn sử dụng chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới, tra cứu thông tin phương tiện.

Điều 5. Thực hành kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm

1. Sau khi hoàn thành tập huấn lý thuyết nghiệp vụ, trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, đăng kiểm viên thực tập phải triển khai thực hành kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm.

2. Trong thời gian thực tập, đăng kiểm viên thực tập phải thực hành các nội dung sau: kiểm tra 05 công đoạn trên dây chuyền kiểm định, sử dụng thiết bị kiểm tra và các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới.

3. Đăng kiểm viên thực tập phải lập báo cáo thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới là căn cứ để đơn vị đăng kiểm xe cơ giới xác nhận thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới.

4. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phân công đăng kiểm viên hướng dẫn thực tập và chịu trách nhiệm về nội dung thực tập của đăng kiểm viên thực tập tại đơn vị đăng kiểm với số lượng xe thực tập: tối thiểu 400 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe), trong đó

mỗi công đoạn thực tập tối thiểu 100 xe tải, 100 xe khách. Riêng việc lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện cho 400 xe.

5. Người hướng dẫn thực tập phải là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao hoặc đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng. Đăng kiểm viên thực tập được kiểm tra và đánh giá xe cơ giới vào kiểm định dưới sự hướng dẫn, giám sát của người hướng dẫn thực tập; người hướng dẫn thực tập phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá tình trạng kỹ thuật xe cơ giới vào kiểm định.

6. Các công đoạn kiểm tra phương tiện trên dây chuyền kiểm định bao gồm:

a) Công đoạn 1: lập hồ sơ phương tiện và kiểm tra nhận dạng, tổng quát;

b) Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện;

c) Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang;

d) Công đoạn 4: kiểm tra môi trường;

đ) Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện.

Chương III
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

Điều 6. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên

1. Trong suốt quá trình giữ hạng, các đăng kiểm viên phải tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung nghiệp vụ kiểm định xe cơ giới khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật có liên quan và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác kiểm định xe cơ giới.

2. Đăng kiểm viên xe cơ giới được thực hiện kiểm tra 05 công đoạn trong kiểm định xe cơ giới, đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 14 của Nghị định 139/2018/NĐ-CP có nhu cầu tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao sẽ được tập huấn các nội dung sau:

a) Văn bản pháp lý: cập nhật các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong kiểm định và kiểm tra chứng nhận kiểu loại xe cơ giới;

b) Nghiệp vụ kỹ thuật: phân tích kết cấu; chẩn đoán trạng thái kỹ thuật, hư hỏng và nguyên nhân hư hỏng của các chi tiết, hệ thống, tổng thành xe cơ giới và biện pháp khắc phục; quy định chung về cải tạo xe cơ giới; công nghệ mới được trang bị trên xe cơ giới; nội dung, phương pháp và thiết bị kiểm tra mới trong công tác kiểm định;

c) Các chuyên đề: khuyến nghị của Tổ chức kiểm định ô tô quốc tế trong công tác kiểm định, quản lý chất lượng các đơn vị đăng kiểm; an toàn giao thông và giám định tai nạn giao thông đường bộ; các yêu cầu về hướng dẫn thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới.

Điều 7. Tập huấn nhân viên nghiệp vụ

Người tham gia tập huấn nhân viên nghiệp vụ được tập huấn các nội dung sau:

1. Tập huấn lý thuyết

a) Tổng quan: hệ thống mạng lưới, tổ chức kiểm định xe cơ giới; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác kiểm định; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới;

b) Văn bản pháp lý: các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ; yêu cầu về hồ sơ kiểm định; trình tự thực hiện kiểm định; phân loại phương tiện, phí, lệ phí kiểm định; quản lý hồ sơ, báo cáo, truyền số liệu kiểm định.

2. Hướng dẫn thực hành: hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới.

3. Kết thúc tập huấn, người tham gia tập huấn nhân viên nghiệp vụ được cấp Chứng chỉ tập huấn nhân viên nghiệp vụ kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
ĐÁNH GIÁ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 8. Đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới

1. Sau khi nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên hạng đăng kiểm viên xe cơ giới (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới), Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá lý thuyết và thực hành kiểm tra 05 công đoạn trên dây chuyền kiểm định cho đăng kiểm viên thực tập để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới.

2. Trường hợp đánh giá cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới lần đầu, kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên thực tập có kết quả đánh giá lý thuyết đạt yêu cầu và có kết quả đánh giá thực hành đạt từ 3 công đoạn trở lên. Nếu kết quả đánh giá không đạt, đăng kiểm viên thực tập phải đánh giá lại theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp đánh giá để cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới khi giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới hết hiệu lực, kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên xe cơ giới có kết quả đánh giá lý thuyết đạt yêu cầu và có kết quả đánh giá thực hành đạt từ 3 công đoạn trở lên. Nếu kết quả

đánh giá không đạt, đăng kiểm viên xe cơ giới phải đánh giá lại theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp đăng kiểm viên xe cơ giới có kết quả đánh giá đạt yêu cầu nhưng phần đánh giá thực hành không đạt đủ 05 công đoạn, tổ chức, cá nhân được đề nghị đánh giá bổ sung những công đoạn không đạt sau 06 tháng kể từ ngày đánh giá gần nhất.

5. Đăng kiểm viên xe cơ giới chỉ được thực hiện kiểm tra các công đoạn ghi trên giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới.

Điều 9. Đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

1. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị đăng kiểm, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo kế hoạch đánh giá đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên hạng đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao).

2. Các nội dung đánh giá bao gồm: lý thuyết; thực hành kiểm định xe cơ giới trên dây chuyền kiểm định.

3. Đăng kiểm viên xe cơ giới được thực hiện kiểm tra 05 công đoạn trong kiểm định xe cơ giới được tham gia đánh giá để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao lần đầu. Kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên xe cơ giới có kết quả đánh giá lý thuyết đạt yêu cầu và có kết quả đánh giá thực hành đạt đủ 06 nội dung (theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 139/2018/NĐ-CP). Nếu kết quả đánh giá không đạt, đăng kiểm viên xe cơ giới thực hiện đánh giá lại theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp đánh giá để cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao khi giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao hết hiệu lực, kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên xe cơ giới có kết quả đánh giá lý thuyết đạt yêu cầu và có kết quả đánh giá thực hành đạt đủ 06 nội dung (theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 139/2018/NĐ-CP). Nếu kết quả đánh giá không đạt, đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao thực hiện đánh giá lại theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Kết quả đánh giá để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao không được sử dụng để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới.

Điều 10. Người đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên

Người đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên phải là đăng kiểm viên thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam, có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới tối thiểu 05 năm.

Chương V
HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Điều 11. Quy định về nhân lực trong quá trình hoạt động

1. Trong suốt quá trình hoạt động, đơn vị đăng kiểm phải luôn đảm bảo các điều kiện về nhân lực theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP.

2. Đơn vị đăng kiểm phải phân công tối thiểu 03 đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra trực tiếp xe cơ giới trên một dây chuyền kiểm định.

Điều 12. Các nội dung niêm yết tại đơn vị đăng kiểm

1. Phòng chờ phải được niêm yết các nội dung về quy trình kiểm định, biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (nếu có).

2. Xưởng kiểm định phải được niêm yết các nội dung sau:

a) Quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

b) Nội quy sử dụng thiết bị kiểm tra: được trình bày thành từng bảng có vị trí treo tương ứng với từng thiết bị;

c) Nội dung kiểm tra, phương pháp kiểm tra và khiếm khuyết, hư hỏng.

Chương VI
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN VÀ DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 13. Triển khai xây dựng đơn vị đăng kiểm

1. Trước khi xây dựng đơn vị đăng kiểm, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm phải thông báo với Cục Đăng kiểm Việt Nam các nội dung sau:

a) Vị trí xây dựng đơn vị đăng kiểm;

b) Thời gian dự kiến hoàn thành xây dựng và bắt đầu tham gia hoạt động kiểm định.

2. Trong quá trình xây dựng nếu có sự thay đổi các nội dung đã thông báo, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm hoặc đơn vị đăng kiểm phải thông báo lại với Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt cơ sở vật chất kỹ thuật, đơn vị đăng kiểm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP, trong đó:

a) Danh sách trích ngang các chức danh làm việc tại đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Kiểm tra, đánh giá điều kiện và duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Thành viên tham gia đoàn kiểm tra, đánh giá điều kiện và duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới thực hiện kiểm tra các nội dung và ghi nhận trong biên bản như sau:

1. Diện tích mặt bằng của đơn vị đăng kiểm: kết quả kiểm tra, đánh giá ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xưởng kiểm định: kiểm tra kích thước thông xe tối thiểu của xưởng kiểm định, khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền kiểm định liền kề, khoảng cách từ tâm dây chuyền phía ngoài đến mặt trong tường bao gần nhất; kết quả kiểm tra, đánh giá ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra: kiểm tra số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, độ chính xác, thời hạn hiệu chuẩn, việc bố trí hợp lý theo quy trình kiểm định, phần mềm điều khiển, việc cài đặt tiêu chuẩn đánh giá, thiết lập quy trình đo, khả năng kết nối truyền dữ liệu; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nhân lực:

a) Kiểm tra hồ sơ tuyển dụng, hợp đồng lao động, quyết định cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên, chứng chỉ tập huấn đối với nhân viên nghiệp vụ, quyết định bổ nhiệm phụ trách dây chuyền và lãnh đạo đơn vị đăng kiểm;

b) Tổng hợp đánh giá việc tuân thủ các quy trình, quy định (đối với kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động) có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân thông qua kết quả kiểm tra, đánh giá nội dung tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này và các lỗi vi phạm trong kỳ đánh giá (nếu có); kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thực hiện quy trình kiểm định: tiến hành đánh giá sự hoạt động của dây chuyền, việc tuân thủ quy trình, quy định và chất lượng công tác kiểm định của đăng kiểm viên, đơn vị đăng kiểm; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Hồ sơ và dữ liệu (đối với kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động): đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra hồ sơ và dữ liệu lưu trữ; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Các sổ theo dõi, chế độ báo cáo, quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định: đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị đăng kiểm thông qua kiểm tra việc mở sổ sách theo dõi và ghi chép, thực hiện báo cáo định kỳ, quản lý và sử dụng ấn chỉ kiểm định; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 139/2018/NĐ-CP trên cơ sở tổng hợp kết quả từ các biên bản kiểm tra, đánh giá do các thành viên trong đoàn đã lập.

Điều 15. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra, đánh giá

1. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được lập thành 02 bộ, 01 bộ lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bộ lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2. Biên bản kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được lập thành 02 bộ, 01 bộ lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bộ lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam, thời hạn lưu trữ tối thiểu 05 năm.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức và thực hiện tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ.

2. Xây dựng và thông báo kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ cho các đơn vị đăng kiểm.

3. Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị đăng kiểm

1. Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa để duy trì độ chính xác, tình trạng hoạt động của thiết bị, dụng cụ kiểm định theo quy định.

2. Báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam khi có thay đổi về số lượng đăng kiểm viên, phụ trách dây chuyền, lãnh đạo đơn vị, thiết bị kiểm tra. Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

3. Lập báo cáo hoạt động kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước thời điểm kiểm tra, đánh giá định kỳ việc duy trì các điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

CHƯƠNG VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Các đăng kiểm viên hạng đăng kiểm viên xe cơ giới được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới trước ngày 01 tháng 07 năm 2016 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 139/2018/NĐ-CP kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2019, trừ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2019 và thay thế Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Lê Đình Thọ

Phụ lục 1

BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI

(Báo cáo hàng tháng)

Họ và tên: Đơn vị công tác:

Đơn vị đăng kiểm thực tập:

Người hướng dẫn thực tập: Thời gian : từ …….. đến….

I. Thực tập kiểm tra các phương tiện dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực tập

TT	Loại xe	Biển số	Nội dung Kiểm tra	Kết quả Đạt/không đạt	Lý do
1					
2					
…					

II. Đánh giá của người hướng dẫn thực tập

1. Thực hiện các nội dung kiểm tra:
2. Phương pháp kiểm tra:
3. Số lượng phương tiện đăng kiểm viên thực tập kết luận đúng tình trạng kỹ thuật của xe:
4. Lập hồ sơ phương tiện:
5. Sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới:
6. Sử dụng thiết bị kiểm tra:
7. Yêu cầu đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC TẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐĂNG KIỂM VIÊN THỰC TẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan chủ quản
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..... ngày ... tháng... năm ...

BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI

(Báo cáo tổng hợp kết quả thực tập)

Họ và tên: .....Đơn vị công tác:.....
Đơn vị đăng kiểm thực tập: ....
Thời gian thực tập: từ .... đến .....

1. Đánh giá của người hướng dẫn thực tập

Thực hiện kiểm định các công đoạn

Nội dung thực tập	Nhận xét của người hướng dẫn thực tập (ghi **đạt** hoặc **không đạt**)
Công đoạn 1 - Lập HSPT Thời gian từ .... đến ..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách ..... xe - Xe tải ..... xe - Xe con ..... xe - Xe loại khác.....xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Công đoạn 2 Thời gian từ .... đến ..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách ..... xe - Xe tải ..... xe - Xe con ..... xe - Xe loại khác.....xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét *(Ký, ghi rõ họ tên)*

<u>Công đoạn 3</u> Thời gian từ .... đến ..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách ..... xe - Xe tải ..... xe - Xe con ..... xe - Xe loại khác.....xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét *(Ký, ghi rõ họ tên)*
<u>Công đoạn 4</u> Thời gian từ ..... đến ..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra - Xe khách .....xe - Xe tải .....xe - Xe con .....xe - Xe loại khác.....xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét *(Ký, ghi rõ họ tên)*
<u>Công đoạn 5</u> Thời gian từ ..... đến ..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách ....xe - Xe tải .....xe - Xe con ..... xe - Xe loại khác.....xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét *(Ký, ghi rõ họ tên)*
<u>Các nội dung khác:</u>	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét *(Ký, ghi rõ họ tên)*

2. **Nhận xét của lãnh đạo đơn vị đăng kiểm**

- Về chuyên môn nghiệp vụ:
- Chấp hành kỷ luật, nội quy của đơn vị đăng kiểm:
- Ý kiến khác:
- Kết luận: *đăng kiểm viên thực tập đạt/không đạt yêu cầu, đủ/ không đủ khả năng tham gia đánh giá để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới lần đầu.*

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM	**ĐĂNG KIỂM VIÊN THỰC TẬP**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 2

MẪU CHỨNG CHỈ TẬP HUẤN NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHỨNG CHỈ TẬP HUẤN NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):

Năm sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành khóa tập huấn: *(tên chương trình tập huấn)*

Địa điểm:

Thời gian:

Kết quả:

....., ngày ..... tháng ..... năm ....

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Số:

Phụ lục 3
MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị ĐK XCG . . .

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Qua đào tạo nghiệp vụ	Kỷ luật trong kỳ	Điện thoại	Ghi chú
1									
2									
3									
4									
5									
6									
...									

……., ngày … tháng … năm …
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Phụ lục 4

MẪU BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, DÂY CHUYỀN KIỂM ĐỊNH THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....(2).....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(3).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	....., *ngày.....tháng.....năm.....*

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, DÂY CHUYỀN KIỂM ĐỊNH THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Kính gửi:..... (1).....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định .....(3).....như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của đơn vị đăng kiểm	Theo thực tế
1	Diện tích mặt bằng xây dựng Đơn vị :	m^2		
2	Kích thước thông xe của xưởng kiểm định (DxRxC)	m		
3	Khoảng cách giữa tâm các dây chuyền Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2: Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3: ...	 m m		
4	Khoảng cách giữa tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng:	m		
5	**Dây chuyền số 1: Dây chuyền loại:...**			
	5.1. Khu vực kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước			
	Khu vực đánh dấu trên sàn:	m		
	Độ bằng phẳng:	mm		
	Khoảng trống trước màn hình đo đèn:	m		
	Độ dài đường ray:	m		
	5.2. Khu vực kiểm tra phanh			
	Khu vực đánh dấu trên sàn:	m		

	Độ bằng phẳng:	mm		
	5.3. Khu vực kiểm tra gầm			
	Chiều dài làm việc:	m		
	Chiều rộng làm việc:	m		
	Độ sâu:	m		
	Số lượng lối lên xuống:			
	Chiều cao gờ bảo vệ:	m		
	Khoảng cách tính từ điểm gần nhất của thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm tới mặt trong đầu hầm:	m		
	5.4. Khu vực kiểm tra độ trượt ngang bánh xe			
	Khoảng cách hai điểm gần nhất tính từ thiết bị đo độ trượt ngang tới bệ thử phanh	m		
6	**Dây chuyền số...**			
7	Bãi đỗ xe ra vào:	m^2		
8	Chiều rộng mặt đường nội bộ tại vị trí nhỏ nhất	m		
9	Diện tích nhà văn phòng:	m^2		

....(3).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam;

(2) Ghi tên tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (nếu có);

(3) Ghi tên đơn vị đăng kiểm xe cơ giới kèm theo mã số.

Phụ lục 5

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MẶT BẰNG ĐƠN VỊ, XƯỞNG KIỂM ĐỊNH, THIẾT BỊ THÔNG TIN LƯU TRỮ TRUYỀN SỐ LIỆU VÀ TRANG THIẾT BỊ KHÁC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, thiết bị thông tin lưu trữ truyền số liệu và trang thiết bị khác

Được sự uỷ quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại đơn vi đăng kiểm xe cơ giới mã số ....., Chúng tôi gồm:

1. Ông: ....., Phòng Kiểm định xe cơ giới;

2. Ông: ....., Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá về diện tích, nhà xưởng, bãi đỗ xe; Thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu; Trang thiết bị khác của đơn vị đăng kiểm:

1) Mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, bãi đỗ xe, nhà văn phòng, đường nội bộ:

Nội dung kiểm tra:			**Đạt**	**Không đạt**
+ Diện tích mặt bằng xây dựng đơn vị [(1)]:	.....	m^2	☐	☐
+ Xưởng kiểm định:				
- Kích thước thông xe (DxRxC) [(1)]:.....		m	☐	☐
- Khoảng cách giữa tâm các dây chuyền[(1)]:	.....	m	☐	☐
- Khoảng cách giữa tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng[(1)]:	.....	m	☐	☐
- Khu vực kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước:			☐	☐
- Khu vực kiểm tra phanh:			☐	☐
- Khu vực kiểm tra gầm (LxRxH):		m	☐	☐
- Khu vực kiểm tra độ trượt ngang bánh xe:			☐	☐
+ Bãi đỗ xe ra vào[(1)]:			☐	☐
+ Đường nội bộ[(1)]: Chiều rộng mặt đường:.....			☐	☐
+ Nhà văn phòng:	Có ☐		Không ☐	
+ Phòng chờ và nhà vệ sinh cho khách hàng:	Có ☐		Không ☐	

2) Thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu:

Nội dung kiểm tra:	**Đạt**	**Không đạt**

+ Chương trình phần mềm quản lý kiểm định:	☐	☐
+ Chương trình đánh giá kết quả kiểm định:	☐	☐
+ Khả năng nối mạng, truy cập, truyền và lưu trữ số liệu:	☐	☐

+ Địa chỉ IP tĩnh:.....

3) Trang thiết bị và nội dung khác:

Nội dung kiểm tra	**Đạt**	**Không đạt**
+ Thiết bị văn phòng:	☐	☐
+ Camera, máy ảnh chụp ảnh xe cơ giới:	☐	☐
+ Camera IP giám sát và lưu trữ hình ảnh:	☐	☐
+ Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy :	☐	☐
+ Các biển hiệu, bảng biểu và các nội dung cần thông báo:	☐	☐
+ Hệ thống âm thanh để thông báo cho chủ xe:.....	☐	☐
+ Hệ thống tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định:.....	☐	☐
+ Máy chủ và thiết bị kết nối mạng riêng áo (VPN):	☐	☐
+ Màn hình tại phòng chờ:	☐	☐
+ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001[(2)]	☐	☐

4) Yêu cầu sửa chữa, khắc phục những vấn đề sau:

.....

.....

5) Kết luận:

☐ Diện tích mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, bãi đỗ xe; thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu; trang thiết bị khác đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

☐ Diện tích mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, bãi đỗ xe; thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu; trang thiết bị khác không đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị đăng kiểm/ Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm *(Ký, đóng dấu)*	**Người kiểm tra** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1): Ghi các thông số đối với kiểm tra lần đầu hoặc nếu có thay đổi (có bản vẽ kèm theo).

(2): Áp dụng đối với các đơn vị đã hoạt động sau 18 tháng.

Phụ lục 6

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THIẾT BỊ KIỂM TRA, DỤNG CỤ KIỂM TRA

Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
Thiết bị, dụng cụ kiểm tra

Được sự uỷ quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ..... ; tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới ....., chúng tôi gồm:

1. Ông:.....,Phòng Kiểm định xe cơ giới;
2. Ông:.....,Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá về thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra của dây chuyền số: .....

1) Thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe:

		Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		☐	☐
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
Thông số chuẩn (1)	*Thông số kiểm tra*	*Hạn kiểm tra*	
Kết luận:		☐	☐

2) Thiết bị cân khối lượng:

		Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
Thông số chuẩn (1)	*Thông số kiểm tra*	*Hạn kiểm tra*	
Kết luận:		☐	☐

3) Thiết bị kiểm tra phanh (kết hợp cảm biến cân khối lượng):

		Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		☐	☐
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
Thông số chuẩn cân (1)	*Thông số kiểm tra cân*	*Hạn kiểm tra*	
Thông số chuẩn phanh (1)	*Thông số kiểm tra phanh*		
Kết luận:		☐	☐

4) Thiết bị phân tích khí xả:

		Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		☐	☐
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			

Thông số chuẩn [1]	*Thông số kiểm tra*	*Hạn kiểm tra*	
Kết luận:		☐	☐

5) Thiết bị đo độ khói: **Đạt** **Không đạt**

Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		☐	☐
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
Thông số chuẩn [1]	*Thông số kiểm tra*	*Hạn kiểm tra*	
Kết luận:		☐	☐

6) Thiết bị đo độ ồn: **Đạt** **Không đạt**

Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		☐	☐
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
Thông số chuẩn [1]	*Thông số kiểm tra*	*Hạn kiểm tra*	
Kết luận:		☐	☐

7) Thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước: **Đạt** **Không đạt**

Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		☐	☐
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
Thông số chuẩn [1]	*Thông số kiểm tra*	*Hạn kiểm tra*	
Kết luận:		☐	☐

8) Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm: **Đạt** **Không đạt**

Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động		☐	☐
Kết luận:		☐	☐

9) Thiết bị nâng (cầu nâng) xe cơ giới/ hầm kiểm tra: **Đạt** **Không đạt**

Tình trạng hoạt động *(đối với thiết bị nâng)*	☐	☐
Kết luận:	☐	☐

10) Thiết bị gia tải động cơ *(đối với trường hợp thực hiện quy trình kiểm tra khí thải của xe cơ giới bằng phương pháp có gia tải)* **Đạt** **Không đạt**

Nhãn hiệu, số loại:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		☐	☐
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
Thông số chuẩn [1]	*Thông số kiểm tra*	*Hạn kiểm tra*	
Kết luận:		☐	☐

Đạt **Không đạt**

11) Dụng cụ kiểm tra áp suất hơi lốp:	☐	☐
12) Đèn soi:	☐	☐
13) Búa chuyên dùng kiểm tra:	☐	☐
14) Kích trên hầm kiểm tra (nếu có hầm kiểm tra):	☐	☐

15) Điều kiện đo, tình trạng lắp đặt của các thiết bị:

.....
.....
.....

16) Yêu cầu sửa chữa khắc phục những vấn đề sau:

.....
.....
.....

17) Kết luận:

☐ Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

☐ Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra không đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị đăng kiểm/ Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm *(Ký, đóng dấu)*	**Người kiểm tra** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: *(1): Ghi giá trị của nhà sản xuất quy định.*

Phụ lục 7

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NHÂN LỰC VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH

Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định

Được sự uỷ quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày tháng năm tại đơn vị đăng kiểm mã số ....., chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra:

1. Ông: ....., Trưởng đoàn đánh giá;
2. Ông: ....., Phòng Kiểm định xe cơ giới;
3. Ông: ....., Phòng Kiểm định xe cơ giới;

II. Đại diện đơn vị đăng kiểm:

1. Ông: ....., Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

III. Nội dung kiểm tra đánh giá:

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá về nhân lực và thực hiện quy trình của đơn vị đăng kiểm:

1) Nhân lực:

Hồ sơ nhân lực:	**Đạt**	**Không đạt**
+ Hợp đồng lao động (hoặc Quyết định tuyển dụng):	☐	☐
+ Quyết định cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nhân viện nghiệp vụ:	☐	☐
+ Quyết định bổ nhiệm phụ trách dây chuyền:	☐	☐
+ Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo đơn vị đăng kiểm:	☐	☐

2) Việc thực hiện quy trình, quy định trong công tác kiểm định:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3) Yêu cầu sửa chữa khắc phục:

.....

.....
.....
.....

4) Đề xuất, kiến nghị:

.....
.....
.....
.....

5) Kết luận:

☐ Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định đúng quy định đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

☐ Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định không đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị đăng kiểm/ Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm *(Ký, đóng dấu)*	**Đăng kiểm viên** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Người kiểm tra** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 8

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VÀ DỮ LIỆU

Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hồ sơ và dữ liệu

Được sự uỷ quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày..... tháng ..... năm .....tại Đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới ....., chúng tôi gồm:

1. Ông: ..... Phòng Kiểm định xe cơ giới;
2. Ông: .....Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ:

1. Kiểm tra hồ sơ:

.....

.....

2. Kiểm tra dữ liệu:

.....

.....

3. Yêu cầu sửa chữa khắc phục những vấn đề sau:

.....

.....

4. Kết luận:

☐ Việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ đúng quy định, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

☐ Việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ không đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị đăng kiểm/ Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm *(Ký tên, đóng dấu)*	**Người kiểm tra** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 9

MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ SỔ THEO DÕI, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ẤN CHỈ KIỂM ĐỊNH

Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ

Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định

Được sự uỷ quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới mã số ....., chúng tôi gồm:

1. Ông:....., Phòng Kiểm định xe cơ giới;
2. Ông: ....., Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định đơn vị từ ngày ..... đến ngày: .....:

1. Sổ sách theo dõi, biểu mẫu:

.....

.....

2. Quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định:

.....

.....

3. Chế độ báo cáo, truyền số liệu:

.....

.....

4. Thực hiện thanh toán:

.....

.....

5. Kiểm kê ấn chỉ:

Loại ấn chỉ/Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng	Số series tồn	
Loại ấn chỉ:					
- Tồn kỳ trước		- Tồn cuối kỳ	Tổng:	Từ số	Đến số
- Nhận mới trong kỳ					
- Sử dụng(*)					
- Hư hỏng					
Số lượng hỏng: Số series: ..... Ghi chú:					

6) Huỷ ấn chỉ hỏng, ấn chỉ không còn giá trị sử dụng:

- Đã huỷ các ấn chỉ hỏng trong bản kê theo bảng trên;

- Huỷ các ấn chỉ không còn giá trị sử dụng gồm:

……

……

7) Yêu cầu sửa chữa, khắc phục những vấn đề sau đây:

……

……

8) Kết luận:

☐ Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định đúng quy định, đảm bảo duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

☐ Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định không đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành hai bản, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị đăng kiểm/ Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm	**Người kiểm tra**
(Ký, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(*): Không bao gồm ấn chỉ hỏng.

Phụ lục 10

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị ĐK XCG . . .

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng ..... năm ...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH

(Từ ngày...tháng... năm... đến ngày...tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới .....

Địa chỉ:.....ĐT: .....FAX:.....

Báo cáo tình hình hoạt động trong kỳ (từ ngày ..... đến ngày.....) như sau:

1. Diện tích đơn vị đăng kiểm, nhà xưởng, bãi đỗ xe:

(Không/có thay đổi so với kỳ kiểm tra, đánh giá lần trước - yêu cầu ghi rõ những thay đổi nếu có).

2. Thiết bị kiểm định, dụng cụ kiểm tra:

- Số dây chuyền: .....
- Thiết bị kiểm định, dụng cụ kiểm tra bổ sung trong kỳ:.....
- Tình trạng hoạt động hiện tại của thiết bị:.....

3. Thiết bị thông tin lưu trữ và truyền số liệu:

- Thiết bị bổ sung trong kỳ:.....
- Tình trạng hoạt động hiện tại của thiết bị:.....

4. Các trang thiết bị khác:

- Trang thiết bị kiểm định bổ sung trong kỳ:.....
- Tình trạng hoạt động hiện tại của trang thiết bị:.....
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: *(có/không)*. . . . . .

5. Nhân lực của đơn vị đăng kiểm: *(lập danh sách theo mẫu Phụ lục 3 của Thông tư này)*

6. Thực hiện quy trình:

- Nêu đầy đủ các vi phạm, kỷ luật của đơn vị, cá nhân (nếu có) trong kỳ báo cáo.

7. Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định:

- Các loại sổ theo quy định: (đủ/thiếu) .....
- Việc ghi chép thông tin trong các sổ: (đủ/thiếu) .....

- Sử dụng và cấp phát ấn chỉ:

8. Thực hiện thanh toán:

- Thanh toán tiền ấn chỉ kiểm định: (đủ/thiếu) .....
- Thanh toán tiền kiểm tra thiết bị: (đủ/thiếu) .....
- Thanh toán các khoản khác: (đủ/thiếu) .....

10) Kiểm kê ấn chỉ:

1. Loại ấn chỉ:	**2. .....**
Số lượng tồn kỳ trước:.....	Số lượng tồn kỳ trước:.....
Số lượng nhận mới trong kỳ:	Số lượng nhận mới trong kỳ: .....
Số lượng sử dụng:..	Số lượng sử dụng:.. .....
Số lượng hỏng:	Số lượng hỏng: .....
Số lượng tồn:	Số lượng tồn: .....
Từ số .....đến số.....	Từ số .....đến số.....

11) Đề nghị của đơn vị đăng kiểm:

.....

.....

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký, đóng dấu)